TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Duy Thấm;

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đại Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Phạm Kim N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ A, ấp C, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị N có đơn xin vắng mặt; anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Kim N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C sống chung với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân là tự nguyện.

Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân giữa chị và anh C không cùng chung quan điểm sống, nói chuyện thì thường xuyên

gây gổ, cải vả với nhau, anh C không quan tâm chăm sóc cho gia đình, đi làm không đưa tiền chị lo cho các con mà tự tiêu xài hết nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống từ năm 2022 đến nay và từ khi chị bỏ đi anh C không đến hỏi thăm hay yêu cầu chị về đoàn tụ. Do đó, nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể níu kéo và không thể tiếp tục sống chung với anh C nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như N1, sinh ngày 15-01-2014 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16-02-2021, hiện đang sống chung nhà với anh C và ông bà nội các cháu, sau khi ly hôn chị giao 02 con cho anh Cương trực t trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; chị không cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại do chị đang học lớp làm tóc, làm neo chưa có điều kiện nuôi con, anh C làm công nhân Công ty, lương mỗi tháng khoảng 13.000.000 đồng và các con ở với bà nội từ nhỏ nên chị mới giao con cho anh C nuôi, vì có ông bà nội chăm sóc phụ.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn C nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị N và anh C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2022 cho đến nay không thể hàn gắn được nên chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Kim N đối với anh Nguyễn Văn C.

- Về nuôi con chung: Chị N và anh C có 02 người con tên Nguyễn Ngọc Như N1, sinh ngày 15-01-2014 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16-02-2021, hiện các cháu đang sinh sống ổn định cùng với anh C và cha mẹ ruột anh C đồng ý cùng anh C chăm các cháu nên chị N tự nguyện giao con cho anh Cương trực t trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Do đó, cần giao các con chung

cho anh Cương trực t trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Kim N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Kim N và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến; tuy nhiên theo biên bản xác minh tại địa phương và ông Nguyễn Tiến S là cha ruột anh C thì giữa chị N và anh C có xảy ra mâu thuẫn với nhau, đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay không sống chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần nhưng anh không đến, đều này thể hiện anh C không muốn đoàn tụ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh C có 02 người con tên Nguyễn Ngọc Như N1, sinh ngày 15-01-2014 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16-02-2021, hiện đang sống chung nhà với anh C cùng vợ chồng ông Nguyễn Tiến S (ông bà nội các cháu). Trong quá trình giải quyết vụ án chị N có nguyện vọng giao các con chung cho anh C nuôi dưỡng và qua làm việc với ông Nguyễn Tiến S cha ruột anh C xác định "*Anh C làm Công ty tại huyện G không xin nghỉ được nên không đến Tòa án, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh C đồng ý nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, ngoài ra từ khi chị N, anh C sống ly thân các cháu sinh sống ổn định với anh C cùng vợ chồng ông và ông đồng ý trong thời gian anh C đi làm, vợ chồng ông tự nguyện thay anh C chăm sóc các cháu*". Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con chung nên cần giao cháu Nguyễn Ngọc Như N1, sinh ngày 15-01-2014 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh

ngày 16-02-2021 cho anh Cương trực t trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị N có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) con cùng với anh.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N không yêu cầu giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Kim N là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Kim N và anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như N1, sinh ngày 15-01-2014 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16-02-2021 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị N có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) con cùng với anh.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Kim N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0005751 ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Kim N, anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Suối Ngô;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc